

Bản án số: 67/2019/HS-ST

Ngày: 29/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 540/2018/TLST-HSST ngày 28 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Mai T** - Giới tính: Nam. Tên gọi khác: T Ma

Sinh năm 1987, tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: 27F/1, tổ 6, khu phố 3, phường T , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Lê Mai N , sinh năm 1954 và bà Lê Thị T , sinh năm 1956. Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm. Có vợ: Hoàng Thị T , sinh năm 1987, có 02 con sinh năm 2011 và năm 2015.

Tiền án: 01 Tiền án.

- Ngày 24/5/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “Hủy hoại tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo Tú chấp hành xong bản án ngày 09/11/2017.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 25/01/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 10 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 14/8/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt ngày 04/10/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Hoàng Nguyễn Quốc K** - Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1991, tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: 91/32/47/16, khu phố 3, phường T , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Hoàng Văn L , sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Kim L , sinh năm 1962. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con.

Tiền án: 01 Tiền án.

- Ngày 28/01/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo Khánh chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2018.

Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 04/10/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Tiến Kh** - Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1997, tại tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: tổ 23, khu phố 4, phường T , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Nguyễn Văn K , sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị P , sinh năm 1974. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con.

Tiền án: 01 Tiền án.

- Ngày 19/01/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo Khải chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/9/2017.

Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 04/10/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Trần Nhật H** - Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1995 tại tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L X , xã T h (tên gọi cũ là xã P Đ), huyện T h, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: tổ 3, ấp H , xã P n, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Trần Văn B , sinh năm 1970 và bà Lê Thị Th , sinh năm 1974. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con.

Tiền án: 02 Tiền án.

+ Ngày 10/9/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

+ Ngày 31/3/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2018. Chấp hành xong ngày 04/5/2018.

Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 04/10/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: anh Chu Tuấn A , sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Thuê nhà trọ tại 15/7, tổ 12, khu phố 2, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2016, chị Hoàng Thị T buôn bán thuốc lá và bị mất 01 xe hàng thuốc lá trị giá khoảng 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi sự việc mất hàng xảy ra thì Lê Mai T (chồng T) nghi ngờ anh Chu Tuấn A là người đã lấy trộm xe hàng thuốc lá của vợ T , nên T tìm cách liên hệ với anh Chu Tuấn A để giải quyết.

Khoảng 16 giờ ngày 03/10/2018, Lê Mai T gọi điện cho Đàm Quý Đ (bạn của Chu Tuấn A h) và nhờ Đ gọi anh Chu Tuấn A đến gặp Tú nói chuyện. Đ gọi cho anh Tuấn A hẹn ra quán cà phê Trúc Nguyễn thuộc khu phố 4, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa nói chuyện. Khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, anh Chu Tuấn A tới quán cà phê Trúc Nguyễn gặp Đ , Đ nói Tuấn A về nhà Lê Mai T gặp T nói chuyện thì Tuấn A không đồng ý. Tiếp đó, Đôn gọi cho T nói là

đang ở quán cà phê Trúc Nguyên với Tuấn A . T gọi cho anh Tuấn A thì Tuấn A tắt máy. T tức giận nên gọi cho Hoàng Nguyễn Quốc K để kêu Khánh đến quán cà phê Trúc Nguyên đưa Tuấn A về nhà T , K đồng ý. Tiếp đó K gọi cho Nguyễn Tiên Kh nói Kh i chở K đến quán cà phê Trúc Nguyên, Kh đồng ý.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, khi Đ và anh Tuấn A đang nói chuyện với nhau tại quán cà phê Trúc Nguyên, thì K và Kh đi đến. K h yêu cầu anh Tuấn A đi theo K về nhà T nhưng anh Tuấn A không đi. Khi Đôn đứng dậy đi ra ngoài quán thì anh Tuấn A cũng đứng dậy để đi về. Cùng lúc này, K kêu Kh giữ Tuấn A lại, Kh dùng tay nắm cổ áo anh Tuấn A giữ lại. K dùng tay đánh vào mặt Tuấn A và lấy 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm ở quầy tiếp tân của quán kè vào cổ Tuấn A không chế bắt Tuấn A đi ra ngoài quán. Tuấn A không đi thì K dùng dao, Kh dùng tay kéo, xô đẩy Tuấn A đi ra trước cửa quán Trúc Nguyên. Lúc này, Lê Văn M (bạn Tuấn A) điều khiển xe ô tô biển số 60A-429.38 chở Trần Nhật H (bạn K h) đi chơi. Khi M và H đi qua quán cà phê Trúc Nguyên, M thấy K , Kh đang lôi kéo anh Tuấn A ra ngoài quán, M dừng xe xuống can ngăn nhưng không được. H thấy K cầm dao Thái Lan cùng Kh lôi kéo Tuấn A , H hỏi K có chuyện gì thì K nói H phụ đưa Tuấn A lên xe ô tô, H đồng ý và mở cửa xe. Tuấn A không chịu lên xe ô tô thì K dùng tay đánh 02-03 cái vào người Tuấn A , Kh và H dùng tay kéo, đẩy Tuấn A lên xe ô tô. Tuấn A vùng vẫy trong xe ô tô thì H dùng tay tát 01 cái vào mặt Tuấn A đe dọa buộc Tuấn A ngồi im. Lúc này, T chạy xe máy tới, đứng cách xe ô tô khoảng 02m và nói với K , Kh , H đưa Tuấn A về nhà T . Nghe vậy, K nói H chạy xe ô tô chở Tuấn A đi theo K , K chạy xe máy đi trước. Sau đó, H điều khiển xe ô tô biển số 60A-429.38 chở Kh ngồi sau ô tô, giữ Tuấn A đi theo K về nhà T tại khu phố 3, phường T , thành phố Biên Hòa, còn M bị bỏ lại ở quán cà phê Trúc Nguyên.

Khi tới nhà T thì K , Kh , H không chế, đưa anh Tuấn A vào trong nhà T , rồi K h, Kh , H ngồi xung quanh cửa nhà T để canh chừng. T tra hỏi anh Tuấn A về việc Tuấn A lấy hàng của vợ T nhưng anh Tuấn A không thừa nhận. T tra hỏi nhiều lần, Tuấn A thấy phía nhóm T có đông người và sợ bị đánh nên Tuấn A thừa nhận có lấy hàng của vợ T . T dùng tay tát 01 cái và dùng chân đá 01 cái vào mặt Tuấn A . Tuấn A sợ bị đánh tiếp nên quỳ gối xuống đất. T hỏi anh Tuấn A muốn giải quyết như thế nào, do sợ bị T và đồng bọn đánh nên Tuấn A nói với T sẽ bồi thường tiền hàng cho T và trả trước cho T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), T đồng ý. Tuấn A điện thoại cho chị Phan Thị H (vợ Tuấn A) vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) mang đến trả cho T . Đến 23 giờ cùng ngày, chưa thấy chị H mang tiền tới, T rủ đồng bọn đi ăn tối ở quán Tường Vy, T yêu cầu anh Tuấn A đi theo.

Sau khi nhận điện thoại của chồng, chị Phan Thị H biết được sự việc anh Chu Tuấn A bị T và đồng bọn không chế, nên chị H báo cho Cơ quan Công an đến mời các đối tượng về làm việc. Quá trình điều tra, đã làm rõ hành vi phạm tội của Lê Mai T và các đồng phạm như đã nêu trên.

- *Vật chứng trong vụ án:*

+ 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm, Hoàng Nguyễn Quốc K sử dụng gây án, K đã vứt bỏ trên đường về nhà Lê Mai T không nhớ vị trí nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ được.

+ Xe ô tô biển số 60A-429.38 do chị Vũ Ngọc Phượng H đứng tên chủ sở hữu, chị H cho Lê Văn M thuê xe.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, Imei số 356997067422938, số thuê bao 0128.4268.782 của Nguyễn Tiến Kh không liên quan đến việc phạm tội.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, Imei số 358354063120660, số thuê bao 0964.462.663 của Trần Nhật H không liên quan đến việc phạm tội.

Tại cáo trạng số 16/CT-VKSBH ngày 28 tháng 12 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Lê Mai T , Hoàng Nguyễn Quốc K , Nguyễn Tiến Kh và Trần Nhật H về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị các cáo về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Mai T , H Nguyễn Quốc K và Nguyễn Tiến Kh phạm vào tình tiết “tái phạm”; Trần Nhật H phạm vào tình tiết “tái phạm nguy hiểm”; được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Lê Mai T từ 08 đến 10 tháng tù; Hoàng Nguyễn Quốc K , Nguyễn Tiến Kh và Trần Nhật H , mỗi bị cáo từ 09 đến 11 tháng tù.

Tại phiên tòa, cả 04 bị cáo không có ý kiến bào chữa tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong lời nói sau cùng các bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người bị hại anh Chu Tuấn A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt của người bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định nội dung vụ án, như sau:

Do nghi ngờ anh Chu Tuấn A lấy trộm xe hàng thuốc lá của vợ mình nên nên bị cáo Lê Mai T tìm cách liên hệ với anh Chu Tuấn A để giải quyết nhưng không được. Vào khoảng 21 giờ ngày 03/10/2018, sau khi biết được anh Tuấn A đang ở quán cà phê Trúc Nguyên thuộc khu phố 4, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa cùng với Đàm Quý Đ (là bạn của anh Chu Tuấn A) mà trước đó T có nhờ Đ hẹn anh Tuấn A, T nhờ Đ nói với anh Tuấn A là về nhà T gặp T nói chuyện, nhưng anh Tuấn A không đồng ý. Nên T đã nói với bị cáo Hoàng Nguyễn Quốc K đến quán cà phê Trúc Nguyên đưa anh Tuấn A về nhà T, Khánh đồng ý. K gọi cho bị cáo Nguyễn Tiến Kh nói Kh chở K đến quán cà phê Trúc Nguyên, Kh đồng ý.

Tại quán cà phê “Trúc Nguyên” Khánh yêu cầu anh Tuấn A đi theo Khánh về nhà T nhưng anh Tuấn A không đi. Khi Đ đứng dậy đi ra ngoài quán thì anh Tuấn A cũng đứng dậy để đi về. Cùng lúc này, K nói với Kh giữ Tuấn A lại, Kh dùng tay nắm cổ áo anh Tuấn A giữ lại. K dùng tay đánh vào mặt Tuấn A và lấy 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm ở quầy tiếp tân của quán, kè vào cổ anh Tuấn A khống chế bắt anh Tuấn A đi ra ngoài quán. Anh Tuấn A không đi thì K dùng dao, Kh dùng tay kéo, xô đẩy anh Tuấn A đi ra trước cổng quán Trúc Nguyên. Lúc này, Lê Văn M (là bạn của anh Tuấn A) điều khiển xe ô tô biển số 60A-429.38 chở Trần Nhật H (bạn của K) đi chơi, khi đi qua quán cà phê Trúc Nguyên, M thấy K, Kh đang lôi kéo, khống chế anh Tuấn A ở cổng quán, M dùng xe xuống can ngăn, ôm K lại nhưng không được. H hỏi K có chuyện gì thì K nói H phụ đưa Tuấn A lên xe ô tô, H đồng ý và mở cửa xe. Anh Tuấn A

không chịu lên xe ô tô thì K dùng tay đánh 02-03 cái vào người anh Tuấn h, còn Kh và H dùng tay kéo, đẩy anh Tuấn A lên xe ô tô. Anh Tuấn A vùng vẫy trong xe ô tô thì H dùng tay tát 01 cái vào mặt anh Tuấn A , đe dọa buộc anh Tuấn A ngồi im. Lúc này, T chạy xe máy một mình tới, đứng cách xe ô tô khoảng 02m và nói với K , Kh , H đưa anh Tuấn A về nhà T . Nghe vậy, K nói H lái xe ô tô chở anh Tuấn A đi theo K , K chạy xe máy đi trước. Sau đó, H điều khiển xe ô tô biển số 60A-429.38 chở Kh ngồi sau ôm, giữ anh Tuấn A đi theo K về nhà T tại khu phố 3, phường T , thành phố Biên Hòa, còn M bị bỏ lại ở quán cà phê Trúc Nguyên.

Khi tới nhà T , T tra hỏi nhiều lần, anh Tuấn A thấy nhóm của T đông người và sợ bị đánh nên anh Tuấn A thừa nhận có lấy hàng của vợ T . Sau đó, T dùng tay tát 01 cái và dùng chân đá 01 cái vào mặt anh Tuấn A . T hỏi anh Tuấn A muốn giải quyết như thế nào, do sợ bị T và đồng bọn đánh nên anh Tuấn A nói với T sẽ bồi thường tiền hàng cho T và trả trước cho T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), T đồng ý.

Sau đó anh Tuấn A điện thoại cho vợ là chị Phan Thị H vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) mang đến trả cho T . Đến 23 giờ cùng ngày, chưa thấy chị H mang tiền tới, T rủ đồng bọn đi ăn tối ở quán Tường Vy, T yêu cầu anh Tuấn A đi theo.

Sau khi nhận điện thoại của chồng, chị Phan Thị H biết được sự việc anh Chu Tuấn A bị T và đồng bọn khống chế, nên chị H báo cho Cơ quan Công an đến mời các đối tượng về làm việc.

Đối với Đàm Quý Đ có hành vi gọi anh Chu Tuấn A đến quán cà phê Trúc Nguyên để nói chuyện, Đ không có hành động gì khống chế và không tham gia bắt, giữ anh Chu Tuấn A và đối với Lê Văn M có hành vi chở Trần Nhật H đến trước quán cà phê Trúc Nguyên nhưng M có can ngăn Hoàng Nguyễn Quốc K bắt giữ anh Tuấn A . Quá trình điều tra không đủ căn cứ để xác định vai trò đồng phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý đối với Đàm Quý Đ và Lê Văn M .

[3] Về tội danh:

Xét thấy, hành vi bị cáo Hoàng Nguyễn Quốc K đã dùng tay đánh vào mặt Chu Tuấn A và lấy 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm kè vào cổ Tuấn A h; bị cáo Nguyễn Tiến Kh dùng tay nắm cổ áo anh Tuấn A cùng với K khống chế bắt anh Tuấn A lên xe ô tô biển số 60A-429.38 do Trần Nhật H điều khiển chở về nhà bị cáo Lê Mai T trái với ý muốn của anh Chu Tuấn A . Khi vào trong xe ô tô, bị cáo H còn dùng tay tát 01 cái vào mặt anh Tuấn A , đe dọa buộc anh Tuấn A ngồi im. Sau khi bắt giữ anh Tuấn A về nhà T , bị T tra hỏi và uy hiếp nên anh Tuấn A quỳ gối thừa nhận lấy hàng của T . T dùng tay tát 01 cái và dùng chân đá 01 cái vào mặt anh Tuấn A .

Hành vi của các bị cáo như đã nêu trên, đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự,

theo như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò đồng phạm:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian, đủ để cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Trong vụ án, bị cáo T là người giữ vai trò chính, trực tiếp lôi kéo đồng phạm khác trong vụ án thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời cũng là người trực tiếp dùng vũ lực khi bắt giữ anh Tuấn A, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Các bị cáo K, Kh, H tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, tích cực thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp dùng vũ lực, tham gia bắt giữ và khống chế anh Tuấn A để đưa về nhà T theo yêu cầu của T, do vậy vai trò của các bị cáo là ngang nhau, nhưng thấp hơn bị cáo T.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Mai T, Hoàng Nguyễn Quốc K và Nguyễn Tiến Kh đều có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm”; Bị cáo Trần Nhật H có 02 tiền án, đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm”; được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T, K, Kh, H đều tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cả 04 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có bác ruột là ông Lê Trọng L là liệt sỹ kháng chiến chống Mỹ, được Nhà nước cấp bằng tổ quốc ghi công, nên cần xem xét cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng và tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

+ Đối với 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm, Hoàng Nguyễn Quốc K sử dụng gây án, K đã vứt bỏ trên đường về nhà Lê Mai T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ được, nên không có cơ sở xử lý.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, Imei số 356997067422938, số thuê bao 0128.4268.782 của Nguyễn Tiến Kh và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, Imei số 358354063120660, số thuê bao

0964.462.663 của Trần Nhật H . Do không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo Kh và H .

(Vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

+ Đối với xe ô tô biển số 60A-429.38 của chị Vũ Ngọc Phượng H cho Lê Văn M thuê, M cho Trần Nhật H mượn xe để chở bạn gái đi chơi, khi đi qua quán cà phê Trúc Nguyên thì H có hành vi sử dụng xe ô tô để tham gia bắt giữ Chu Tuấn A . Xét thấy, chủ sở hữu xe ô tô 60A-429.38 không biết xe bị sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Lê Mai T , Hoàng Nguyễn Quốc K , Nguyễn Tiến Kh và Trần Nhật H** , phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Mai T 08 (Tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt:

+ Bị cáo **Hoàng Nguyễn Quốc K 07 (Bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2018.

+ Bị cáo **Nguyễn Tiến Kh 07 (Bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2018.

+ Bị cáo **Trần Nhật H 07 (Bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2018.

3. Về xử lý vật chứng trong vụ án:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến Kh 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, Imei số 356997067422938, số thuê bao 0128.4268.782, do không liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Trần Nhật H 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, Imei số 358354063120660, số thuê bao 0964.462.663, do không liên quan đến việc phạm tội.

(Vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Mai T , Hoàng Nguyễn Quốc K , Nguyễn Tiến Kh và Trần Nhật H ; Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

Đã ký

Trần Văn Hùng